TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2026/DS-PT
Ngày 31/3/2026
V/v tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Nguyễn Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Số A đường T, tổ dân phố số G, phường M, quận H, thành phố Hà Nội (nay là: Số A đường T, phường H, thành phố Hà Nội); có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đồng Xuân D, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (nay là: Thôn A, xã A, thành phố Hải Phòng); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Thôn K, xã B, tỉnh Hưng Yên), vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Kim H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Đầu tháng 01 năm 2023, chị H đến Hải Phòng để hỏi thăm xem có ai có nhu cầu bán đất thì mua. Qua giới thiệu của dân địa phương, chị H được biết anh D, anh T có đất bán. Chị H vào gặp anh D, đặt vấn đề mua đất. Anh D1 nói với chị H là có mảnh đất cần bán để dồn tiền vào làm ăn. Lô đất ở T giá 500 triệu đồng, là giá bán cắt lỗ. Nghe thấy hợp lý, kiểm tra đất, xác nhận vị trí trên thực địa (không có đại diện chính quyền địa phương đi cùng) lại thấy đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi nên chị H quyết định mua. Đối tượng chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là thửa đất lô số 03 (điểm 1); tờ bản đồ QH chia lô (171B); có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 580442.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng đất với nhau và ngay trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 chị H đã chuyển khoản cho anh D1 02 lần tiền đủ 500 triệu đồng (số tài khoản của anh D1 là 020040000019 tại ngân hàng). Tuy vậy hai bên chưa ra Văn phòng công chứng để ký hợp đồng vì hai bên thống nhất là chậm nhất đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 thì anh D1, anh T có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho chị H thửa đất, bàn giao đất cho chị H sử dụng theo đúng quy định. Chỉ có 03 người là chị H, anh D1 và anh T ký hợp đồng với nhau, không có ai chứng kiến việc ký kết hợp đồng này. Sau khi ký hợp đồng, chuyển tiền xong thì anh D1, anh T không thực hiện công việc gì. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2023 chị H xuống tận nhà gặp anh D1 yêu cầu thực hiện đúng cam kết thì anh D1 nói là không thực hiện giao dịch này nữa, chẳng rõ lý do gì và không trả lại tiền cho chị H. Còn anh T thì cố tình tránh mặt, thậm chí điện thoại cũng không liên lạc được.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa chị H và các anh Đồng Xuân D, Lê Văn T; từ đó buộc anh D, anh T phải bàn giao tài sản là quyền sử dụng 105m^2 đất, thửa lô số 03 (điểm 1), tờ bản đồ QH chia lô (171B) ở thôn P, xã T, huyện A cho chị H.

Trường hợp hợp đồng vô hiệu, chị H không yêu cầu bồi thường thiệt hại tại giai đoạn giải quyết sơ thẩm mà chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại tại giai đoạn phúc thẩm (nếu có). Do không yêu cầu anh D, anh T phải trả lại số tiền 500 triệu đồng nên chị H cũng không có yêu cầu về tiền lãi đối với số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là anh Đồng Xuân D và Lê Văn T thống nhất trình bày:

Năm 2019 anh T và anh D chung nhau nhận chuyển nhượng thửa đất tại lô số 01 (điểm 1), tờ bản đồ QH chia lô (171-B) ở xã T, huyện A và đã được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU580442 ngày 28 tháng 5 năm 2020 cho cả hai cùng đứng tên trên giấy chứng nhận.

Đầu năm 2023, do thiếu vốn làm ăn nên anh D có đặt vấn đề vay của chị Nguyễn Thị Kim H 03 tỷ đồng. Chị H đồng ý nhưng với điều kiện phải ký giấy chuyển nhượng 05 lô đất (trong đó có thửa đất tại lô số 01 (điểm1), tờ bản đồ QH chia lô (171-B) như nêu trên) cùng 01 xe ô tô cho chị ấy. Anh D1 nói rõ với chị H là hiện tại thửa đất này anh T và anh D1 đã thế chấp tại Ngân hàng C - Chi nhánh K để vay vốn từ năm 2022, không lập hợp đồng chuyển nhượng có công chứng, chứng thực được. Tuy nhiên, chị H nói rằng việc ký hợp đồng chuyển nhượng đất chỉ là để làm tin thôi nên không cần ký hợp đồng công chứng theo quy định của pháp luật, chị H không cần giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh D1 đồng ý.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 anh D1 và chị H đã cùng nhau ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại lô số 01 (điểm 1), tờ bản đồ QH chia lô (171-B) ở xã T, huyện A với giá là 500 triệu đồng (do không đọc kỹ nên trong hợp đồng ghi là lô số 03 là không đúng). Sau khi anh D1 và chị H ký xong thì mang sang cho T ký. Toàn bộ quá trình anh D1 và chị H bàn bạc với nhau thì T không hề biết và tham gia. Chỉ khi ký hợp đồng thì anh D1 mới nói với T cho mượn tài sản là thửa đất chung này, ký giúp hợp đồng để anh D1 có thể vay tiền chị H. T đồng ý và ký hợp đồng.

Sau đó, cùng ngày 12 tháng 01 năm 2023 thì chị H đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của anh D1. Anh D1 đã nhận đủ số tiền 500 triệu đồng và sử dụng hết. Nay anh T và anh D1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện An Lão tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại lô số 01 (điểm 1), tờ bản đồ QH chia lô (171-B) ở xã T, huyện A giữa anh T và anh D1 với chị H ngày 12 tháng 01 năm 2023 là vô hiệu vì vi phạm điều cấm của pháp luật (đất đang thế chấp cho ngân hàng thì không được giao dịch chuyển nhượng, thế chấp cho người khác). Cá nhân anh D1 sẽ có trách nhiệm trả lại cho chị H số tiền 500 triệu đồng. Anh T không phải có trách nhiệm cùng anh D1 trong việc hoàn trả số tiền 500 triệu đồng cho chị H.

Tại Bản án số 01/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại lô số 03 (điểm 1), tờ bản đồ QH

chia lô (171-B) ở xã T, huyện A ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa chị Nguyễn Thị Kim H với anh Đồng Xuân D, Lê Văn T là vô hiệu toàn bộ

Buộc anh Đồng Xuân D phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim H tổng số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh D chưa trả cho chị H số tiền này thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự trên tổng số tiền chưa trả cho đến khi trả xong

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng) nhận được đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị H, anh D và anh T. Làm rõ tính pháp lý của giấy tờ do anh D và anh T cung cấp khi thực hiện giao dịch hợp đồng.

Lý do kháng cáo: Anh Đồng Xuân D và anh Lê Văn T có hành vi cố tình gian dối khi cung cấp thông tin sai giữa thực địa và hồ sơ đã công chứng. Cố tình lừa đảo để chiếm đoạt tài sản khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất với chị H. Xác minh tính pháp và trách nhiệm của cơ quan đã thực hiện xác nhận bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất mang tên anh D và anh T.

Tại phiên tòa ngày 26 tháng 6 năm 2025, chị Nguyễn Thị H cho rằng hành vi của anh Đồng Xuân D có dấu hiệu hình sự và yêu cầu chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tạm ngừng phiên tòa, ban hành công văn số 15/TA-TDS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Công văn số 58/TA-TDS ngày 12 tháng 12 năm 2025 gửi Phòng C1 Công an thành phố H về việc đề nghị điều tra, xác minh yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H cho rằng anh Đồng Xuân D có hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H.

Tại biên bản làm việc ngày 05 tháng 02 năm 2026, Phòng C1 - Công an thành phố H chưa xác định tố giác của chị H có dấu hiệu tội phạm và đang tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 23 tháng 3 năm 2026, chị Nguyễn Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán,

Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Lão (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự không có kháng cáo tại phiên tòa nhưng không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H:

[2] Về hình thức của Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 05/CU 580442/HĐMBTSGLĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023: Hợp đồng thể hiện bên bán là anh Đồng Xuân D, anh Lê Văn T và bên mua là bà Nguyễn Thị Kim H. Hai bên đã ký hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Tuy nhiên, hợp đồng không được công chứng, chứng thực và chưa thực hiện thủ tục sang tên, thực hiện nghĩa vụ tài chính, chưa bàn giao đất trên thực địa nên không đủ điều kiện có hiệu lực.

[3] Về việc thực hiện hợp đồng: Bên mua đã chuyển 500.000.000 đồng cho bên bán, nhưng bên bán chưa bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa bàn giao quyền sử dụng đất cho bên mua nên giao dịch chưa hoàn thành.

[4] Về đối tượng của hợp đồng: Đối tượng của hợp đồng là quyền sử dụng diện tích 108,5m^2 đất ở tại thửa đất số: Lô số 03 (điểm 1), tờ bản đồ số: QH chia lô (171B); địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bên bán là anh Đồng Xuân D và anh Lê Văn T mà thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Nguyễn Anh T1 và chị Lê Thị Thanh H1, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT501900 do UBND huyện A cấp ngày 12 tháng 11 năm 2019, không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 580442 như trong Hợp đồng. Chị H là người soạn thảo hợp đồng chuyển nhượng, chị H cho rằng anh D cố tình gửi mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua zalo cho chị H là Lô số 03 (điểm 1), tờ bản đồ số: QH chia lô (171B); địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng nên chị H đã căn cứ vào tài liệu trên để thực hiện việc soạn thảo hợp đồng nhưng chị H không có tài liệu chứng minh. Như vậy, đối tượng của hợp đồng không đúng, không thuộc quyền sử dụng của bên bán là anh Đồng Xuân D và anh Lê Văn T, nên không thể thực hiện được trên thực tế. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên vô hiệu do có đối tượng không thể thực hiện được, theo quy định tại Điều 408 Bộ luật Dân sự. Việc chị H yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12 tháng 01

năm 2023 là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bị đơn trình bày việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn là để làm tin cho giao dịch vay mượn tiền giữa hai bên. Ngoài lời khai của bị đơn, bị đơn cung cấp vi bằng ghi lại đoạn ghi âm giữa nguyên đơn và bị đơn để chứng minh có giao dịch vay mượn tiền với chị H. Các tài liệu, chứng cứ này không đủ để chứng minh việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn.

[6] Bản án sơ thẩm nhận định hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất số 05/CU 580442/HĐMBTSGLĐ ngày 12/01/2023 ký giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H và bị đơn anh Đồng Xuân D và anh Lê Văn T vô hiệu do đối tượng của hợp đồng không đúng là có căn cứ.

[7] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Bị đơn anh D đã nhận số tiền 500.000.000 đồng của chị H. Hợp đồng mua bán vô hiệu, các bên phải trả cho nhau những gì đã nhận, nên anh D phải trả lại số tiền 500.000.000 đồng cho chị H.

[8] Về bồi thường thiệt hại, do chị H không yêu cầu giải quyết tại cấp sơ thẩm nên bản án sơ thẩm không xem xét là có cơ sở. Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Theo đó những vấn đề mà bản án sơ thẩm chưa giải quyết thì cấp phúc thẩm không có căn cứ để giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Kim H cho rằng anh Đồng Xuân D và anh Lê Văn T có hành vi cố tình gian dối khi cung cấp thông tin sai giữa thực địa và hồ sơ đã công chứng, cố tình lừa đảo khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vấn đề này đã được Phòng C1 - Công an thành phố H trả lời là chưa xác định nội dung tố giác có dấu hiệu hình sự và đang tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại cấp sơ thẩm, anh Đồng Xuân D có yêu cầu tự nguyện trả cho chị H 500.000.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm, anh D cung cấp sao kê ngân hàng thể hiện việc anh D đã chuyển số tiền 100 triệu đồng cho chị H nhưng nội dung chuyển khoản không thể hiện là trả cho hợp đồng nào. Vì vậy, anh D phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng cho chị H và chịu án phí đối với số tiền này.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim H.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H:

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất "lô số 03 điểm 1, tờ bản đồ QH chia lô (171-B), có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 580442 ở xã T, huyện A" ngày 12/01/2023 giữa chị Nguyễn Thị Kim H với anh Đồng Xuân D, anh Lê Văn T vô hiệu.

Anh Đồng Xuân D phải trả cho chị Nguyễn Thị Kim H 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 12.900.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007501 ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão (nay là Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng). Trả lại chị Nguyễn Thị Kim H 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Anh Đồng Xuân D phải nộp 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão (nay là Thi hành án dân sự khu vực 2 - Hải Phòng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007635 ngày 18 tháng 3 năm 2025. Chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND khu vực 2 - Hải Phòng;
- THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp